

ĐÀM PHÁN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY TRONG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Nguyễn Văn Nhân
Phòng Công chứng số 1 An Giang.
(Email: nvn04041998@gmail.com)

Ngày nhận: 24/4/2024
Ngày phản biện: 05/5/2024
Ngày duyệt đăng: 24/6/2024

TÓM TẮT

Dự án Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) đang được xây dựng nhằm thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách tư pháp và hướng đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, việc giao lưu các mối quan hệ hợp tác các quốc gia ngày càng được tăng cường, mở rộng. Hoà mình vào cùng sự phát triển của thế giới, Việt Nam đã ký kết và là thành viên trong nhiều các Điều ước quốc tế quan trọng. Từ cơ sở cách tiếp cận mới, đặc biệt là tiếp cận về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp của Tòa án nhân dân. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích, đưa ra khái niệm, ý nghĩa của điều ước quốc tế; đàm phán điều ước quốc tế và thẩm quyền đàm phán điều ước quốc tế của tòa án nhân dân Việt Nam đàm phán điều ước quốc tế trong quy định pháp luật; Bối cảnh hiện nay và sự cần thiết hợp tác quốc tế của tòa án nhân dân Việt Nam thông qua điều ước quốc tế.

Từ khoá: Đàm phán, điều ước quốc tế, hợp tác quốc tế, tòa án nhân dân

Trích dẫn: Nguyễn Văn Nhân, 2024. Đàm phán điều ước quốc tế của Tòa án nhân dân Việt Nam hiện nay trong hợp tác quốc tế. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 20: 52-59.

*CN. Nguyễn Văn Nhân - Chuyên viên Phòng Công chứng số 1 An Giang

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoài hoạt động xét xử, Tòa án nhân dân (TAND) cũng là một cơ quan nhà nước tham gia vào công tác đối ngoại và mối quan hệ hợp tác của TAND với các tổ chức quốc tế, Tòa án các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Những kết quả đạt được không chỉ nâng cao vị thế, uy tín của TAND Việt Nam trong khu vực và trên trên thế giới mà còn góp phần nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức cũng như các điều kiện vật chất phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị của TAND. Việc quy định hợp tác quốc tế đối với TAND thông qua đề xuất ký kết, gia nhập, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của TAND đảm bảo hoạt động tư pháp được: (i) Vận hành ổn định trong hệ thống bộ máy nhà nước; (ii) Tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế; (iii) nghiên cứu pháp luật quốc tế và tương trợ tư pháp; (iv) Thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật quốc tế. Việc tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế trong khuôn khổ góp phần giúp nước ta tham khảo được nhiều kinh nghiệm trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án.

2. NỘI DUNG VẤN ĐỀ

2.1. Khái quát chung về điều ước quốc tế

2.1.1. Khái niệm

Để điều chỉnh và nâng cao hiệu quả các mối quan hệ quốc tế của mình với các nước và các tổ chức quốc tế, Việt Nam ký kết rất nhiều Điều ước quốc tế (ĐUQT) song phương, tham gia nhiều ĐUQT đa phương về nhiều lĩnh vực khác nhau.

Theo Công ước Viên về Luật ĐUQT năm 1969 và Luật ĐUQT năm 2016 của Việt Nam: “*ĐUQT là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ của một quốc gia với bên ký kết nước ngoài, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của quốc gia đó theo pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác*” (Khoản 1 Điều 2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016). Căn cứ vào chủ thể ban hành hoặc công nhận, căn cứ vào phạm vi áp dụng, tên gọi và hình thức thể hiện, có thể khẳng định ĐUQT không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của một quốc gia.

Thông thường, pháp luật ở các quốc gia xác định ĐUQT có giá trị pháp lý cao hơn luật và các văn bản dưới luật của quốc gia nhưng thấp hơn hiến pháp của quốc gia mình. Tóm lại, định nghĩa về ĐUQT trong pháp luật của các quốc gia trên thế giới khá đa dạng, nhưng những yếu tố cơ bản nhất để xác định thế nào là một ĐUQT vẫn được tôn trọng. Những yếu tố đó là: (i) Thỏa thuận bằng văn bản; (ii) Được ký giữa các chủ thể của luật quốc tế (bao gồm quốc gia, tổ chức quốc tế); (iii) Được luật pháp quốc tế điều chỉnh. Ví dụ: Công ước về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia (TOC) năm 2000; Công ước La Hay về Miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài năm 1961...

Khi xem xét các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển của ĐUQT ta có thể thấy rằng vấn đề tham gia vào các ĐUQT có nhiều mục đích quan trọng và

ngày càng được mở rộng không chỉ gói gọn trong những vấn đề thuộc về các truyền thống nhằm bảo vệ quyền con người, các vấn đề kinh tế, hòa bình an ninh,...mà phạm vi nó còn có nhiều mục đích khác như về các vấn đề môi trường, kinh tế quốc dân, quốc tế nhân đạo, tương trợ tư pháp.

2.1.2. Ý nghĩa điều ước quốc tế

Trong bối cảnh Việt Nam đang tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mang tính quốc tế thì ĐUQT rất cần thiết và có ý nghĩa trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế - xã hội và pháp lý, cụ thể: (i) *Về chính trị*, việc ký kết, gia nhập và thực hiện các ĐUQT góp phần khẳng định và thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, đồng thời tiếp tục khẳng định cam kết chính trị mạnh mẽ của Việt Nam với tư cách là quốc gia thành viên; (ii) *Về kinh tế - xã hội*, việc ký kết, gia nhập và thực hiện các ĐUQT sẽ góp phần ngăn chặn các nguy cơ cường bức lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, giúp ổn định, hài hòa, thông qua đó tác động tích cực đến nâng cao năng suất, giúp hàng hóa của Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận thị trường quốc tế, từ đó giúp cho nền kinh tế phát triển bền vững và bảo đảm công bằng xã hội tốt hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa; (iii) *Về pháp lý*, việc ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT góp phần củng cố và tăng cường cơ sở pháp lý để bảo đảm hoàn toàn xóa bỏ những hạn chế ở Việt Nam.

2.1.3. Đàm phán điều ước quốc tế

Có rất nhiều khái niệm, định nghĩa về đàm phán. Vì đàm phán diễn ra trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, mà trong mỗi lĩnh vực lại có những khái niệm, định nghĩa khác nhau.

Đàm phán là phương tiện để đạt được điều chúng ta mong muốn từ người khác. Đó là sự trao đổi ý kiến qua lại nhằm đạt được thỏa thuận trong khi các bên có một số lợi ích chung và một số lợi ích đối kháng (Roger et al., 1991). Đàm phán là hành vi và quá trình mà điều hòa quan hệ giữa hai bên, thỏa mãn nhu cầu của mỗi bên, thông qua thỏa thuận mà đi đến ý kiến thống nhất.

Có thể hiểu đàm phán ký kết ĐUQT khác với đàm phán thông thường ở chỗ là sự trao đổi, thảo luận chính thức của các đại diện cho các chủ thể luật quốc tế (quốc gia, tổ chức quốc tế, dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết...) về các vấn đề liên quan đến quan hệ song phương cũng như đa phương với mục đích thỏa thuận nhất trí đi đến ký kết ĐUQT nhằm thiết lập các quan hệ hợp tác giữa các bên hoặc để giải quyết các tranh chấp quốc tế.

Nếu đàm phán thành công, văn bản dự thảo ĐUQT sẽ được soạn thảo chính thức để các bên thông qua. Việc soạn thảo văn bản ĐUQT sẽ do một cơ quan có thẩm quyền được các bên lập ra (hoặc thừa nhận) tiến hành hoặc do một cơ quan bao gồm đại diện của các bên tiến hành. Thông qua văn bản ĐUQT là thủ tục không thể thiếu. Thực tiễn ký kết ĐUQT cho thấy, có nhiều cách để thông qua văn bản điều ước, như biểu quyết, thỏa thuận

miệng. Văn bản đã được các bên nhất trí thông qua là văn bản cuối cùng, các chủ thể kết ước không được đơn phương sửa đổi, chỉnh lý hoặc bổ sung mới.

2.2. Thẩm quyền đề xuất đàm phán điều ước quốc tế của Tòa án nhân dân

Theo quy định Điều 37 Dự thảo 5 Luật Tổ chức TAND (sửa đổi) quy định: “*Tòa án thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học; tăng cường năng lực Tòa án; hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giải quyết, xét xử các vụ việc có yếu tố nước ngoài; đề xuất ký kết, gia nhập, thực hiện các ĐUQT, thỏa thuận quốc tế; tham gia chế định tư pháp quốc tế*”.

Khoản 2 Điều 102 Hiến pháp quy định: TAND gồm TAND tối cao và các Tòa án khác do luật định. Như vậy, ngoài TAND tối cao, Hiến pháp năm 2013 không liệt kê cụ thể các Tòa án khác, mà giao cho luật định. Điều này bảo đảm tính khái quát, ổn định lâu dài của Hiến pháp và tính mềm dẻo, linh hoạt của luật phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết cho việc nhanh chóng sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức TAND phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp nhằm phù hợp với chủ trương theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005, qua đó đánh giá Kết luận số 79-KL/TW ngày 25/12/2013, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/8/2020, Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 làm cơ sở cho việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền (Vy Thảo, 2022).

Trách nhiệm tham gia ký kết, gia nhập ĐUQT ngành Tòa án được quy định tại Điều 11 Quyết định số 2490/QĐ-TTCB ngày 14/11/2011, cụ thể như sau: (i) Khi nhận được đề nghị đóng góp ý kiến về đề xuất ký kết, gia nhập ĐUQT từ các cơ quan nhà nước khác, Vụ Hợp tác quốc tế nghiên cứu sơ bộ và đề xuất lên Chánh án TAND tối cao quyết định các đơn vị, công chức của TAND tối cao tham gia nghiên cứu, đề xuất ý kiến đóng góp. Công văn gửi ý kiến đóng góp của TAND tối cao được gửi đến Vụ Hợp tác quốc tế để theo dõi, tổng hợp; (ii) Trong trường hợp cơ quan chủ trì mời đại diện TAND tối cao tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết ĐUQT, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế sau khi trao đổi ý kiến với Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, đề xuất việc cử đơn vị hoặc cán bộ của TAND tối cao tham gia đàm phán ký kết, gia nhập ĐUQT để Chánh án TAND tối cao quyết định; (ii) Đại diện TAND tối cao tham gia vào quá trình đàm phán ký kết, gia nhập ĐUQT có nhiệm vụ báo cáo thường xuyên nội dung và kết quả của quá trình đàm phán ký kết và gia nhập. Các báo cáo này được gửi về Vụ Hợp tác quốc tế để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Chánh án TAND tối cao theo quy định.

Theo Khoản 1 Điều 8 Luật ĐUQT năm 2016 quy định về thẩm quyền đề xuất đàm phán ĐUQT như sau: “*TAND tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất), căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán*

ĐUQT nhân danh Nhà nước, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán ĐUQT nhân danh Chính phủ". Như vậy, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế thì thẩm quyền đề xuất đàm phán điều ước quốc tế sẽ thuộc về TAND tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Như vậy, theo như các quy định Luật ĐUQT năm 2016 và Quyết định 2490/QĐ-TTCB thì TAND cấp huyện không có quyền đề xuất đàm phán ĐUQT mà chỉ TAND tối cao và các cơ quan quy định trên mới có quyền đề xuất đàm phán ĐUQT.

Trong tình hình mới, ngoài quy định về nhiệm vụ của TAND là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã thể hiện rõ nét về nhiệm vụ của Tòa án, đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ Tòa án thông qua xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (Khoản 3 Điều 102 Hiến pháp năm 2013).

Về nguyên tắc đàm phán, ký kết và thực hiện ĐUQT, thỏa thuận quốc tế trong TAND phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các ĐUQT mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Tuân thủ các nguyên tắc quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm (Điều 3 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Điều 3 của Luật

Thỏa thuận quốc tế năm 2020). Đồng thời, tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền đề xuất ký kết và thực hiện ĐUQT theo quy định của Luật ĐUQT năm 2016; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan.

2.3. Sự cần thiết ghi nhận hợp tác quốc tế của Tòa án nhân dân Việt Nam thông qua điều ước quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, TAND đã mở rộng hợp tác với Tòa án các nước, các tổ chức khác trong lĩnh vực tư pháp và pháp luật cả về đa phương và song phương. Về hợp tác song phương, TAND tối cao đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực tư pháp với Tòa án tối cao các nước trên thế giới như: Trung Quốc, Pháp, Nga, ... Đài Loan (Cổng thông tin điện tử TAND tối cao). Về hợp tác đa phương, Chánh án TAND tối cao là thành viên Hội đồng Chánh án các nước ASEAN và đảm nhiệm thành công vai trò chủ tịch Hội đồng nhiệm kỳ 2020-2021 (Bảo Yến và Minh Thành, 2021).

TAND tối cao đã và đang thực hiện 05 dự án và chương trình hợp tác với nước ngoài, cụ thể: Dự án hợp tác với cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Dự án hợp tác với Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Dự án hợp tác do Dự án do Liên minh châu Âu, Chương trình phát triển Liên hợp quốc và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (EU JULE) đồng tài trợ, Dự án hợp tác với Công ty tài chính quốc tế (IFC), Dự án cải thiện Môi trường kinh doanh công bằng trong khu vực ASEAN

do Chính phủ Anh tài trợ.

Ngoài ra, các chương trình hợp tác với nước ngoài đã hỗ trợ TAND tối cao, cụ thể: (i) Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các bộ luật, luật quan trọng và đang tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ để nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng Luật tư pháp người chưa thành niên (Cảnh Dinh, 2021); (ii) Các dự án hỗ trợ kỹ thuật cũng đã tổ chức nhiều hội thảo nhằm thu thập ý kiến về xây dựng Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của các Bộ luật, Luật giúp cho thủ tục tố tụng của Việt Nam phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, quá trình tố tụng tại Tòa án minh bạch hơn và người dân dễ dàng tiếp cận công lý hơn (British Embassy Hanoi, 2016); (iii) Chuẩn hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ giải quyết các loại vụ việc của các cấp Tòa án, làm cơ sở xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp cho toàn hệ thống Tòa án.

Ở một khía cạnh khác, Việt Nam đã thực hiện thành công chính sách hội nhập kinh tế quốc tế - trở thành thành viên của nhiều tổ chức như WTO, FTA, CPTPP... Vì vậy, hiển nhiên những tranh chấp quốc tế sẽ nảy sinh và gia tăng về mặt số lượng cũng như độ phức tạp và tính đa dạng. Doanh nghiệp thường lựa chọn giải quyết tranh chấp tại tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Thẩm phán Việt Nam sẽ gặp phải nhiều vấn đề và thử thách khi xử các vụ việc thương mại, đặc biệt là các tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư. Tòa án sẽ phải giải quyết tranh chấp nảy sinh từ những thay

đổi về chính sách, hoạt động và quyết định hành chính gây thiệt hại cho nhà đầu tư. Vì vậy, tác giả khuyến nghị trong tương lai việc nghiên cứu nội dung, mục đích, thực tiễn tham gia, đánh giá khả năng gia nhập một số Điều ước quốc tế đa phương liên quan trực tiếp đến hoạt động tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài, giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư để cung cấp kinh nghiệm, quy trình giải quyết tranh chấp, kỹ năng phục vụ cho việc nâng cao chất lượng xét xử, đặc biệt là các lĩnh vực mà Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm và nghĩa vụ của Việt Nam trong việc thực hiện các Điều ước quốc tế là hết sức cần thiết.

Ngoài ra, trong bối cảnh chuyển đổi số và giao dịch điện tử hiện nay phát triển nhanh, những vấn đề mới phát sinh cần được nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa các liên ngành trong đóng góp ý kiến, đàm phán và hoàn thiện pháp luật cho hoạt động giải quyết và áp dụng Điều ước quốc tế của Tòa án nhân dân về các vụ việc tranh chấp thương mại điện tử, tranh chấp thương mại điện tử xuyên biên giới, giải quyết tranh chấp bằng tòa án điện tử, bằng phiên tòa trực tuyến, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử.

Với tình hình mới nêu trên, cần phải có sự linh hoạt trong chính sách để đáp ứng yêu cầu của hợp tác quốc tế thông qua Điều ước quốc tế là cần thiết trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách nền tư pháp hiện nay. Những Điều ước quốc tế này, nếu được đàm phán và ký kết một cách chặt chẽ và có hiệu quả, sẽ mang lại lợi ích rõ ràng cho các quốc

gia tham gia và cả toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình này thường đòi hỏi sự tham gia tích cực và sự đồng thuận của nhiều bên liên quan, và cũng cần có các cơ chế giám sát và thực thi để đảm bảo thực hiện hiệu quả các cam kết đã đưa ra.

3. KẾT LUẬN

Quá trình hội nhập của Việt Nam đang ngày càng đi vào chiều sâu, thể hiện qua việc Việt Nam ký kết nhiều hiệp định song phương và đa phương, cũng như tham gia nhiều hơn vào các tổ chức quốc tế và khu vực. Trong bối cảnh đó, hoạt động hợp tác quốc tế về tòa án quốc tế của Việt Nam đóng một vai trò rất quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bảo Yến và Minh Thành, 2021. Báo Cáo công tác năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Hoàn thành một số mặt công tác quan trọng với chất lượng cao. <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=59828>, truy cập ngày 05/03/2024.

Bộ Chính trị, 2005. Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/06/2005 “về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.

Bộ Chính trị, 2013. Kết luận số 79-KL/TW ngày 25/12/2013 về đẩy mạnh thực hiện nghị quyết số 20 - NQ/TW ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

Bộ Chính trị, 2020. Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày

Vì vậy, cần đặt ra: (i) Tăng cường hợp tác, tham gia các tổ chức hoạt động quốc tế song phương, đa phương trong lĩnh vực tư pháp một cách hiệu quả...(ii) Tiếp tục phối hợp thúc đẩy trao đổi các cấp theo hướng ngày càng hiệu quả, thực chất; phối hợp triển khai nghiêm túc các thỏa thuận, ĐUQT cấp cao; (iii) Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về cải cách tư pháp, đào tạo đội ngũ cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động Tòa án. Hy vọng mối quan hệ hợp tác quốc tế tư pháp giữa các tòa án thông qua ĐUQT sẽ ngày càng thắt chặt, hiệu quả và đi vào chiều sâu hơn nữa.

2/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.

Bộ Chính trị, 2020. Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.

British Embassy Hanoi, 2016. Anh hỗ trợ Tòa án Nhân dân Tối cao Việt Nam tăng cường năng lực - GOV.UK (www.gov.uk), truy cập 05/03/2024.

Cảnh Dinh, 2021. Hội thảo Tham vấn kinh nghiệm quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân. <https://tapchitoaan.vn/public/index.php/hoi-thao-tham-van-kinh-nghiem-quoc-te-ve-tu-phap-nguoi-chua-thanh-nien>, truy cập 05/03/2024.

Dự thảo 5: Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi).

Hồng Mây, 2022. Tăng cường tư pháp cho

người chưa thành niên tại Việt Nam, Tạp chí điện tử Pháp Luật.
<https://baophapluat.vn/tang-cuong-tu-phap-cho-nguoi-chua-thanh-nien-tai-viet-nam-post458615.html>, ngày 05/03/2024.

Quốc hội, 2013. Hiến Pháp ngày 28 tháng 11 năm 2013.

Quốc hội, 2016. Số 108/2016/QH13, ngày 09 tháng 4 năm 2016, Luật Điều ước quốc tế.

Roger Fisher, William Ury, Bruce Patton, 1991. *Getting to Yes: Negotiating Agreement without Giving In*, Houghton Mifflin.

Tòa án nhân dân Tối cao, 2011. Quyết định 2490/QĐ-TTCB, ngày 14/11/2011 “Về

Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại của ngành Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành”.

Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. Thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/thanh-lap-toa-gia-dinh-va-nguoi-chua-thanh-nien-380085.html>, truy cập ngày 05/03/2024.

Vy Thảo, 2022. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-tu-phap-nham-dap-ung-yeu-cau-trong-tinh-hinh-moi-601813.html>, truy cập ngày 05/03/2024.

NEGOTIATION OF INTERNATIONAL TREATIES BY VIETNAMESE PEOPLE'S COURT IN INTERNATIONAL COOPERATION

Nguyen Van Nhan
 No. 1 Notary Office in An Giang
 (Email: nvn04041998@gmail.com)

ABSTRACT

The Project on Amending the Law on Organization of People's Courts is on the making process to institutionalize the Communist Party's policies on judicial reform and towards international cooperation in the field of law and justice, to overcome limitations and inadequacies in the practical implementation of the current Law on Organization of the People's Court 2014. In the current context of increasingly deep international integration, the exchange of cooperative relationships between countries is increasingly strengthened and expanded. Integrating with the world's development, Vietnam has signed and has been a member of many important international treaties. Based on the new approach, especially the approach to international cooperation in the judicial field of the people's Court. The author focuses on analyzing, giving the concept and meaning of this article. international conventions; negotiate international treaties and the authority to negotiate international treaties of the people's Court of Vietnam to negotiate international treaties in legal regulations, the current context and the need for international cooperation of Vietnamese people's Court through international treaties.

Keywords: *International cooperation, international treaties, negotiation, the people's court*